TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2020/QĐST – HNGĐ	*Quận 2, ngày 17 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 632/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn"*, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương U, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đường A1, phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212, Điều 213, Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Phương U và ông Nguyễn Hoàng V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

Bà Lê Thị Phương U và ông Nguyễn Hoàng V có 03 con chung là Nguyễn Vũ Uyên T, sinh năm 2000 (Đã đủ 18 tuổi, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi); Nguyễn Vũ Trúc T, sinh năm 2003 và Nguyễn Vũ Gia H, sinh năm 2013. Bà U và ông V thống nhất, bà U sẽ trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Vũ Gia H, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ông V trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Vũ Trúc T, bà U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà U và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà U tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà U đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027196 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 2 lập. Bà U đã nộp đủ án phí, ông V không phải nộp án phí.

4. Về nghĩa vụ và quyền yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường An Lợi Đông Quận 2;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực